

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 19/2021/HSPT
Ngày 11/3/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thông.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương;
Ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 147/2020/HS-PT ngày 30 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo Trần Hữu Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 61/2020/HSST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Hữu Đ, sinh năm 1971, tại Bình Định; nơi ĐKKHKT: Bon R xã Q, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Đ2 và bà Phạm Thị C; có vợ là Thân Trọng Thanh V và có 02 con; tiền án, tiền sự chưa; bị bắt tạm giữ từ ngày 04-9-2020 đến ngày 14-9-2020 Đ tại ngoại - có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Trọng Ngọc H; địa chỉ: Thôn Q, xã Q1, H1ện Đ1, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trần Trọng Minh H1, sinh ngày 29-3-2003, địa chỉ: Thôn Q, xã Q1, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của cháu H1: Chị Thân Trọng Thanh V là mẹ đẻ của cháu H1; địa chỉ: Thôn Q; xã Q1, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Ấp 14, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang - vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn T2, địa chỉ: Bon R, xã Q1, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Ngày 03-9-2020, Nguyễn Văn T gọi điện thoại cho Đ để mua nợ số đề 89 bằng hình thức “bao lô” (tức là căn cứ vào 02 số cuối của tất cả các giải) 10 điểm, thành tiền là 220.000 đồng. Kết quả T không trúng số đề và còn nợ Đ số tiền 220.000 đồng.

Trưa ngày 04-9-2020, T tiếp tục gọi điện cho Đ mua nợ số đề 10 bằng hình thức “bao lô” 10 điểm, thành tiền là 220.000 đồng và ghi nội dung vào 01 tờ bìa vỏ cây thuốc lá.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn H2 đến nhà Đ mua số đề 15 bằng hình thức “bao lô” 10 điểm, thành tiền là 140.000 đồng. Đ ghi nội dung vào 01 tờ lịch đưa cho H2 và H2 đưa cho Đ 140.000 đồng. Ngoài ra Đ còn ghi nội dung H2 mua số đề vào 01 tờ bìa vỏ cây thuốc lá.

Tiếp đó khoảng 16 giờ cùng ngày, Hoàng Văn T3 đến nhà Đ mua số đề 35 bằng hình thức “bao lô” 10 điểm, thành tiền là 140.000 đồng. Đ nhờ con gái là Trần Trọng Ngọc H (sinh năm 2001) ghi nội dung vào 01 tờ lịch đưa cho T3 thì T3 đưa cho H 140.000 đồng. Ngoài ra Đ còn ghi nội dung T3 mua số đề vào 01 tờ bìa vỏ cây thuốc lá.

Căn cứ kết quả mở thưởng số xổ, H2 và T3 biết không trúng số đề nên khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, hai người đến nhà Đ tiếp tục mua số đề mở thưởng vào hồi 18 giờ 15 phút cùng ngày. Trong đó, H2 mua 03 số đề: số 73 “bao lô” 20 điểm, số 15 và 37 mỗi số “bao lô” 50 điểm, thành tiền là 2.640.000 đồng. T3 mua 02 số đề 35 và 75 “bao lô” mỗi số 50 điểm, thành tiền là 2.200.000 đồng. Do đang ăn cơm nên Đ nhờ H và con trai là Trần Trọng Minh H1 (sinh năm 2003) ghi đề và nhận tiền.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi H ghi đề và nhận của T3 số tiền 2.200.000 đồng xong, đến lượt H1 ghi đề và nhận số tiền 2.640.000 đồng của H2 thì bị Công an huyện Đắk Glong bắt quả tang.

Ngoài ra Đ khai vào ngày 04-9-2020 còn ghi số đề nợ cho 03 người tên là D, T4 và C1 (không rõ nhân thân, lai lịch) nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong không chứng minh Đ.

Tại bản án số 61/2020/HSST ngày 23/11/2020 của Toà án nhân dân huyện Đăk G'Long đã tuyên bố bị cáo Trần Hữu Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, Đ khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04-9-2020 đến ngày 14-9-2020.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2020, bị cáo Trần Hữu Đ kháng cáo xin Đ hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến gì bào chữa về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Đ hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 03 và 04-9-2020, tại nhà Trần Hữu Đ ở thôn Quảng Hợp, xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông, bị cáo đã thực hiện hành vi ghi nợ số đề cho Nguyễn Văn T 02 lần với tổng số tiền là 440.000 đồng; ghi số đề cho Trần Văn H2 01 lần số tiền 140.000 đồng; đồng thời bị cáo còn nhờ con gái là Trần Trọng Ngọc H1 ghi số đề cho anh Hoàng Văn T3 nhận số tiền là 2.780.000 đồng và con trai Trần Trọng Minh H1 ghi số đề cho anh Nguyễn Văn H2, nhận số tiền 2.200.000 đồng. Tổng cộng toàn bộ số tiền ghi số đề là 5.560.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đăk G'Long xử phạt bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin Đ hưởng án treo của bị cáo Trần Hữu Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 03 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo có thân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, vợ bị cáo bị bệnh tai biến không lao động Đ. Do đó, không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo Đ hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo bị cáo Trần Hữu Đ, áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo Đ hưởng án treo là phù hợp pháp luật.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là chưa phù hợp.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu Đ.

Sửa bản án sơ thẩm số 61/2020/HSST ngày 23/11/2020 của Toà án nhân dân huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông. Giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm, nhưng cho bị cáo Đ được hưởng án treo.

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu Đ phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Hữu Đ cho Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Trần Hữu Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đắk Nông;
- CA huyện Đắk G'Long;
- TAND huyện Đắk G'Long;
- VKSND huyện Đắk G'Long;
- Chi cục THADS huyện Đắk G'Long;
- Bị cáo;
- Lưu: THCTP, HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thị Thông

TOAØ AÙN NHAÂN DAÂN COÄNG HOAØ XAÕ HOÀI CHUÛ NGHÓA VIEÄT NAM
TÆNH ÑAËK NOÄNG Ñoäc laäp – Töï do – Haïnh phuøc
Toaø Hình söï

PHIẾU ĐỀ XUẤT

Vụ án: Đoàn Thị Nga bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm về tội “*Đánh bạc*” theo điểm khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 14/3/2019, Đoàn Thị Nga mang theo một mũ bảo hiểm, một biển số xe máy 81T1 – 107.36 và một số tư trang cá nhân bỏ vào túi xách rồi cầm theo một túi nơ vít để trong túi quần, với mục đích là trộm cắp xe máy. Sau đó, Bình mang túi xách ra cất giấu ngoài ruộng thoát nước, cách nhà 100 mét, rồi đi nhờ xe của một người đàn ông, đi ra trường cấp 3 Nguyễn Tất Thành, thuộc thôn Quảng Chánh, xã Nghĩa T, vì Bình nghĩ ở trường có nhiều xe máy để sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, thì học sinh trường Nguyễn Tất Thành tan trường ra về, Bình thấy Nguyễn Văn Phú là hàng xóm của Bình, nên Bình nói Phú lấy xe chở Bình về. Khoảng 30 phút sau, Phú lấy xe EXCITER màu xanh, trắng ra cổng trường Nguyễn Tất Thành đón Bình. Bình bảo Phú đưa xe cho Bình điều khiển. Khi đi qua cổng trường khoảng 100 mét thì Bình thấy tại đường luống ở bên trái đường có một số xe máy đang dựng, không có người trông coi. Thấy vậy, Bình quay xe máy lại và chạy thẳng vào chỗ có mấy chiếc xe máy đang dựng, Bình dựng xe máy của Phú bên cạnh một chiếc xe máy EXCITER màu trắng – xanh, BKS 48H1 – 015.13. Sau đó, Bình đưa chìa khóa xe

máy cho Phú, cả hai vào tiệm internet, Bình nói với Phú: “*Vào chơi đi*”, Bình quay ra tìm xe để trộm cắp. Bình đến chỗ chiếc xe EXCITER BKS 48H1 – 015.13, lấy tuốc nơ vít trong túi quần ra, cắm vào ổ khóa và phá khóa chiếc xe máy trên rồi nổ máy chạy về sang Lâm Đồng để đi về thành phố Hồ Chí Minh. Đi Đ 05 km, Bình chạy xe vào một rẫy cà phê ven đường rồi tháo BKS 48H1 – 015.13 thay vào BKS 81T1 – 107.36 nhằm tránh sự phát hiện của Công an. Sau đó, Bình tiếp tục điều khiển xe về tỉnh Lâm Đồng. Khi đi Đ 20km thì gặp một chốt chặn của bộ đội chặn lại nên Bình tăng ga bỏ chạy, chạy khoảng 500 mét, Bình vút xe lại ven đường và chạy bộ vào rừng. Bình chạy vào nhà dân gần đó để tránh sự truy đuổi thì bị Công an bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 15/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Gia Nghĩa kết luận: xe máy EXCITER màu trắng – xanh, BKS 48H1 – 015.13 tại thời điểm xảy ra sự việc có giá là 30.000.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BẢN ÁN SƠ THẨM:

Tại bản án số 10/2019/HSST ngày 5/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Ngaphạm tội “*Đánh bạc*”. Áp dụng khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đoàn Thị Nga02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 16/7/2019, bị cáo Đoàn Thị Ngakháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH:

Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đoàn Thị Ngavề tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đoàn Thị Nga, xét thấy: Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa xử phạt bị cáo Đoàn Thị Nga02 năm 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của người bị hại mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không Đ chấp nhận nên bị cáo Đoàn Thị Ngaphải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

ĐỀ XUẤT:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Đoàn Thị Nga, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đoàn Thị Nga 02 năm 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: bị cáo Đoàn Thị Nga phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án;
- Các Đ/c phó Chánh án;
- Đ/C chánh tòa HS;
- Các Thẩm phán.

NGƯỜI ĐỀ XUẤT

PHAN QUANG TRUNG